

PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ NHÀ Ở

Biểu mẫu số 1

Thông tin, dữ liệu về chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở và kết quả thực hiện

[illegible]

[illegible]

Biểu mẫu số 2
Thông tin, dữ liệu về diện tích nhà ở bình quân đầu người

Stt	Khu vực	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ² / người)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m ²)		Tổng dân số (dân)
			Theo Dự án	Dân tự xây	
1	Toàn tỉnh				
2	Đô thị				
3	Nông thôn				

Ghi chú:

- Số liệu về tổng diện tích sàn nhà ở, tổng dân số là số lũy kế đến thời điểm báo cáo.
- Về khu vực đô thị, nông thôn: báo cáo theo các quyết định về phân loại đô thị của cơ quan có thẩm quyền ban hành trước ngày 01/7/2025 trừ trường hợp được thay thế, sửa đổi hoặc bãi bỏ theo quy định của pháp luật¹.

¹ Khoản 5 Điều 26 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP quy định: “Các quyết định về phân loại đô thị của cơ quan có thẩm quyền ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo kết quả đánh giá chất lượng đô thị trên cơ sở quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt tiếp tục có hiệu lực cho đến khi được thay thế, sửa đổi hoặc bãi bỏ theo quy định của pháp luật”

Biểu mẫu số 03a
Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng

	Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở			Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023-2025		
ST T	Họ và tên	Số CMT/CCCD	Đối tượng	Họ và tên	Số CCCD	Đối tượng
Địa phương						
Tổng số			<i>(1)</i>			<i>(1)</i>
Phường			<i>(2)</i>			<i>(2)</i>
1						<i>Thân nhân liệt sĩ (tên liệt sĩ)</i>
2						<i>Người có công với cách mạng</i>
Xã			<i>(3)</i>			<i>(3)</i>
1						
2						

Ghi chú:

(1) = (2) + (3) : Tổng số đối tượng được hỗ trợ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(2), (3) : Tổng số đối tượng được hỗ trợ của phường/xã.

Biểu mẫu số 03b
Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở

	Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở			Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2)		
ST T	Họ và tên	Số CMT/CCCD	Đối tượng	Họ và tên	Số CMT/CCCD	Đối tượng
Địa phương						
Tổng số			(1)			(1)
Phường			(2)			(2)
1						
2						
Xã			(3)			(3)
1						
2						

Ghi chú:

(1) = (2) + (3) : Tổng số đối tượng được hỗ trợ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(2), (3) : Tổng số đối tượng được hỗ trợ của phường/xã.

Biểu mẫu số 03c

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 08/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		
STT	Họ và tên	Số CMT/CCCD	Đối tượng
Địa phương			
Tổng số			(1)
Phường			(2)
1			Hộ nghèo
2			Hộ cận nghèo
Xã			(3)
1			
2			

Ghi chú:

(1) = (2) + (3) : Tổng số đối tượng được hỗ trợ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có huyện nghèo.

(2), (3) : Tổng số đối tượng được hỗ trợ của phường/xã.

Biểu mẫu số 03d

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung và Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long

	Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung			Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 14/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế, chính sách thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2018 – 2020		
ST T	Họ và tên	Số CMT/CCCD	Đối tượng	Họ và tên	Số CMT/CCCD	Đối tượng
Địa phương						
Tổng số			(1)			(1)
Phường			(2)			(2)
1						
2						
Xã			(3)			(3)
1						
2						

Ghi chú:

(1) = (2) + (3) : Tổng số đối tượng được hỗ trợ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(2), (3) : Tổng số đối tượng được hỗ trợ của phường/xã.

Biểu mẫu số 4
Thông tin, dữ liệu về kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ của từng dự án

STT	Khu vực	Kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư		Đang triển khai			Đã hoàn thành		
		Tổng số NCC cũ (chung cư)	Số lượng nhà chung cư cũ cần cải tạo xây dựng lại (chung cư)	Số dự án (dự án)	Số lượng căn hộ tái định cư (căn)	Số lượng căn hộ thương mại (căn)	Số dự án (dự án)	Số lượng căn hộ tái định cư (căn)	Số lượng căn hộ thương mại (căn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Dự án....								
2	Dự án								
3									

Biểu mẫu số 5
Thông tin, dữ liệu về sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài

STT	Tên Dự án	Căn hộ chung cư			Nhà ở riêng lẻ	
		Tòa nhà/ đơn nguyên/ khối nhà	Số lượng căn hộ đã bán, cho thuê, cho thuê mua cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (căn hộ)	Số lượng căn hộ còn lại được bán, cho thuê, cho thuê mua cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (căn hộ)	Số lượng căn nhà đã bán, cho thuê, cho thuê mua cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (căn nhà)	Số lượng căn nhà còn lại được bán, cho thuê, cho thuê mua cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (căn nhà)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	TỔNG SỐ					
II	CHI TIẾT THEO DỰ ÁN					
1	Dự án....	Tòa nhà				
		...				
		...				

Biểu mẫu số 6
Thông tin, dữ liệu về Ban quản trị, đơn vị quản lý, vận hành nhà chung cư

1. Thông tin, dữ liệu về đơn vị quản lý, vận hành nhà chung cư

TT	Thông tin đơn vị QLVHNCC	Danh sách nhân viên
1	Địa phương	
1.1	<i>Tên đơn vị</i>	
		
1.2	<i>Tên đơn vị</i>	
2	Địa phương	
	Tên đơn vị	
		
		

2. Số lượng Ban quản trị được công nhận:.....

Biểu mẫu số 7
Thông tin, dữ liệu về nhà ở thuộc tài sản công

[illegible]

Biểu mẫu số 8a
Thông tin, dữ liệu về nhà ở xã hội

TT	Thông tin dự án/công trình nhà ở xã hội			Nhà ở xã hội đã hoàn thành			Nhà ở xã hội đang đầu tư xây dựng						Nhà ở xã hội đã giao chủ đầu tư nhưng chưa triển khai đầu tư xây dựng			Nhu cầu vay vốn
							Đã đủ điều kiện để bán/cho thuê mua			Chưa đủ điều kiện để bán/cho thuê mua						
	Tên, địa điểm dự án	Tên chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Số lượng căn hộ	Tổng mức đầu tư	Thời gian hoàn thành	Số lượng căn hộ	Tổng mức đầu tư	Tiến độ thực hiện	Số lượng căn hộ	Tổng mức đầu tư	Tiến độ thực hiện	Số lượng căn hộ	Tổng mức đầu tư	Tiến độ thực hiện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

Ghi chú:

Cột số (4) ghi rõ thuộc loại hình nhà ở xã hội/ nhà ở lực lượng vũ trang nhân dân/ nhà lưu trú công nhân

Biểu mẫu số 8b

Thông tin, dữ liệu về đối tượng đã được hưởng chính sách nhà ở xã hội, nhà ở lực lượng vũ trang nhân dân

TT	Thông tin đối tượng		Thông tin chính sách		
	Họ và tên	Số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân	Hình thức hưởng chính sách (mua/thuê mua)	Thời gian ký kết hợp đồng mua/thuê mua nhà ở xã hội (năm)	Tên, địa điểm dự án nhà ở xã hội được mua, thuê mua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Người đứng đơn đăng ký mua/thuê mua nhà ở xã hội				
2	Vợ/chồng người đứng đơn				

Biểu mẫu số 8c

Thông tin, dữ liệu về đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách nhà ở xã hội, nhà ở lực lượng vũ trang nhân dân

TT	Thông tin đối tượng		Thông tin chính sách	
	Họ và tên	Số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân	Hình thức đăng ký hưởng chính sách (mua/thuê mua)	Tên, địa điểm dự án nhà ở xã hội đăng ký mua, thuê mua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Người đứng đơn đăng ký mua/thuê mua nhà ở xã hội			
2	Vợ/chồng người đứng đơn			

Biểu mẫu số 9
Thông tin, dữ liệu về nhà ở công vụ

TT	Loại nhà ở công vụ	Tổng số nhà ở công vụ hiện đang quản lý (căn)	Tổng diện tích sử dụng nhà ở công vụ hiện đang quản lý (m2)	Số lượng nhà ở công vụ đang bố trí cho thuê (căn)	Diện tích sử dụng nhà ở công vụ đang bố trí cho thuê (m2)	Giá thuê nhà ở công vụ (nghìn đồng/m2)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Biệt thự						
2	Chung cư						
3	Nhà ở liền kề						